CÔNG TY CP VẬN TẢI 1 TRACO
Trụ sở chính: 45 Đinh Tiên Hoàng,
p. Hoàng Văn Thụ, q. Hồng Bàng, TP. HP
Tel: 0225.3822329 - Fax: 0225.3745679

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2023

(đã được kiểm toán)

I. Bảng cân đối kế toán

TT	Nội dung	31/12/2023	31/12/2022	SS %
I	**Tài sản ngắn hạn**	**106.191.578.731**	**99.654.268.839**	**106,56**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	9.491.249.634	5.063.080.246	187,46
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	80.673.942.850	91.659.939.382	88,01
4	Hàng tồn kho	15.666.221.042	2.494.375.607	628,06
5	Tài sản ngắn hạn khác	360.165.205	436.873.604	82,44
II	**Tài sản dài hạn**	**74.284.380.291**	**78.472.858.578**	**94,66**
1	Tài sản cố định	60.409.106.475	64.181.061.129	94,12
	- Tài sản cố định hữu hình	57.131.926.928	60.813.479.480	93,95
	- Tài sản cố định vô hình	3.277.179.547	3.349.698.307	97,84
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	17.883.342	-
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	400.000.000	400.000.000	100,00
3	Tài sản dài hạn khác	13.475.273.816	13.891.797.449	97,00
	Tổng cộng tài sản	**180.475.959.022**	**178.127.127.417**	**101,32**
III	**Nợ phải trả**	**73.777.923.203**	**76.956.935.343**	**95,87**
1	Nợ ngắn hạn	72.877.923.203	76.056.935.343	95,82
2	Nợ dài hạn	900.000.000	900.000.000	-
IV	**Vốn chủ sở hữu**	**106.698.035.819**	**101.170.192.074**	**105,46**
1	Vốn chủ sở hữu	106.698.035.819	101.170.192.074	105,46
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.924.900.000	45.924.900.000	100,00
	- Thặng dư Vốn cổ phần	4.318.054.800	4.318.054.800	100,00
	- Vốn khác của chủ sở hữu	800.752.380	800.752.380	100,00
	- Quỹ ĐTPT	33.960.371.911	33.960.371.911	100,00
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.658.956.728	16.131.112.983	134,27
	- Nguồn Vốn đầu tư XDCB	35.000.000	35.000.000	100,00
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-
	Tổng cộng nguồn vốn	**180.475.959.022**	**178.127.127.417**	**101,32**

HP, ngày 21/3/2024
Tổng Giám đốc Đỗ Minh Tuấn
(Ký tên và đóng dấu)

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	SS %
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**377.271.829.153**	**378.901.232.746**	**99,57**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV**	**377.271.829.153**	**378.901.232.746**	**99,57**
4	Giá vốn hàng bán	327.476.169.365	337.814.565.439	96,94
5	**LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**49.795.659.788**	**41.086.667.307**	**121,20**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	29.017.161	102.093.001	28,42
7	Chi phí tài chính	1.794.194.709	1.936.718.822	92,64
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.566.947.981	28.988.805.478	112,34
10	**LN thuần từ hoạt động kinh doanh**	**15.463.534.259**	**10.263.236.008**	**150,67**
11	Thu nhập khác	1.062.512.555	3.526.401.762	30,13
12	Chi phí khác	1.743.174.697	2.434.600.167	71,60
13	**Lợi nhuận khác**	**(680.662.142)**	**1.091.801.595**	(1,00)
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**14.782.872.117**	**11.355.037.603**	**130,19**
15	CP thuế TNDN hiện hành	3.362.538.372	2.444.632.280	137,55
16	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**11.420.333.745**	**8.910.405.323**	**128,17**
17	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	2.487	1.657	150,07

III. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	Chỉ tiêu		Năm 2023	Năm 2022	SS %
1	Cơ cấu tài sản	%			
	- Tài sản dài hạn/ Tổng Tài sản		41,16	44,05	93,43
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng Tài sản		58,84	55,95	105,17
2	Cơ cấu nguồn vốn	%			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		40,88	43,20	94,62
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		59,12	56,80	104,09
3	Khả năng thanh toán	Lần			
	- Hiện hành (Tổng TSNH/Nợ phải trả NH)		1,46	1,31	111,21
	- Nhanh (TSNH - HTK)/Nợ NH)		1,24	1,28	97,24
	- Tức thời (Tiền và tương đương tiền)/Nợ NH)		0,13	0,07	195,64
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế (LNST)	%			
	- Tỷ suất LNST/ Tổng Tài sản bình quân		6,37	5,13	124,15
	- Tỷ suất LNST/ Doanh thu thuần		3,03	2,35	128,72
	- Tỷ suất LNST/ nguồn vốn chủ sở hữu bình quân		10,99	9,03	121,62

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO
Ký ngày: 2/5/2024 10:56:23